

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2020/HS-ST  
Ngày: 19-8-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Tâm.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tạ Văn Đài và ông Nguyễn Huy Giáp
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai:* Ông Đinh Ngọc Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 176/2020/TLST-HS ngày 16/7/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2020/QĐXXHS-ST ngày 05/8/2020 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Văn S**, sinh năm 1988, tại tỉnh Kiên Giang. Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp T, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ văn hóa: 10/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Hoàng G, sinh năm: 1966 và bà Lê Thị T, sinh năm: 1966. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Bị cáo có vợ tên Thông Cẩm L, sinh năm 1989, có 01 con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt giam giữ ngày 07/5/2020, được tại ngoại ngày 10/5/2020. Hiện bị cáo đang được tại ngoại (có mặt).

**2. Nguyễn Hùng C**, sinh năm 1993, tại tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ văn hóa: 11/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1970 và bà Trương Thị L, sinh năm: 1971. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Bị cáo có vợ tên Trần Thị Kim T, sinh năm 1993, có 01 con sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt giam giữ ngày 07/5/2020, được tại ngoại ngày 10/5/2020. Hiện bị cáo đang được tại ngoại (có mặt).

**3. Lê Tuấn Anh T**, sinh năm 1989, tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Số 119, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình

độ văn hóa: 01/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: không rõ, con bà Lê Thị Q, sinh năm: 1961. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai. Bị cáo có vợ tên Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1989, có 01 con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Từ ngày 19/9/2010 đến ngày 14/02/2011 bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Bom về hành vi đánh bạc. Ngày 29/7/2011 đã được Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom miễn truy cứu trách nhiệm hình sự. Hiện bị cáo đang được tại ngoại (có mặt).

**\* Bị hại:** Công ty trách nhiệm hữu hạn A

Địa chỉ: Khu công nghiệp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

**- Người đại diện hợp pháp của bị hại:** Ông Tsần Phong P, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khu công nghiệp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

**\* Người làm chứng:**

- Bà Vũ Thị Minh H (vắng mặt).
- Bà Hoàng Thị Kim L (vắng mặt).
- Ông Lầu Lý S (vắng mặt).
- Bà Nguyễn Thị Minh H (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn S là công nhân kỹ thuật giày tại xưởng A4 của công ty TNHH A, khu công nghiệp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Khoảng đầu tháng 4/2020, S thấy công ty sản xuất mẫu giày đẹp nên nảy sinh ý định trộm cắp. S đến gặp Nguyễn Hùng C là công nhân cùng làm bộ phận kỹ thuật giày xưởng A4 và nói cho C biết việc S muốn lấy trộm giày và nhờ C giúp, cụ thể C sẽ lấy trộm mặt giày, còn S sẽ lấy trộm đế giày, sau đó đem ra ngoài để S dán lại thành giày thành phẩm. S hứa nếu lấy trộm được giày thì S sẽ trả công cho C số tiền 200.000 đồng/01 đôi nên C đã đồng ý. Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 13/4/2020, C đã đến xưởng sản xuất giày A7 lên lút lấy 02 đôi mặt giày bỏ vào bịch nilong rồi đem vào kho fôm của xưởng A15 cất giấu, sau đó C đến gặp Nguyễn Văn S và nói cho S biết đã lấy được 02 đôi mặt giày, S đã đưa cho C 1.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Tiếp theo các ngày 14 và 15/4/2020, C đã đến xưởng sản xuất giày A3 lên lút lấy 05 đôi mặt giày bỏ vào bịch nilong rồi tiếp tục đem vào kho fôm của xưởng A15 cất giấu, sau đó C báo cho S biết. Đến chiều ngày 15/4/2020 S đi xuống xưởng A10 lên lút lấy 07 đôi đế giày bỏ vào bịch nilong rồi đem vào kho fôm thuộc xưởng A15 cất giấu cùng chỗ với 07 đôi mặt giày, sau đó S bảo C liên hệ với công nhân bốc rác để đưa ra ngoài. Ngày 19/4/2020, C dùng điện thoại Nokia 1110 số thuê bao 0792302775 gọi điện cho Lê Tuấn Anh T theo số thuê bao 0964866744 (là công nhân thu gom rác của công ty PouSung) để nhờ T đưa số giày đã trộm cắp ra ngoài, C hứa sẽ trả công cho T 400.000 đồng thì được T đồng ý. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 21/4/2020, C vào kho fôm thuộc xưởng A15 lấy 07 đôi mặt giày đã cất giấu ở trên đem đến gặp T, T bảo C bỏ bịch giày vào

thùng rác cạnh xưởng A11, T lấy bịch rác thải đè lên trên để tránh bị phát hiện, sau đó C đi về xưởng A4 làm việc bình thường, còn T chờ xe rác chạy đến để lấy bịch giày đưa lên xe rác chuyển ra ngoài. Khoảng 14 giờ cùng ngày thì chị Nguyễn Thị Minh Hậu là công nhân đi bỏ rác phát hiện trong thùng rác có 07 đôi giày bán thành phẩm nên đã báo cho bảo vệ của công ty biết và lập biên bản sự việc, tạm giữ số giày trên. Đại diện công ty A đã đến Đoàn Công an khu công nghiệp B trình báo sự việc. Đoàn Công an khu công nghiệp B đã lập hồ sơ ban đầu và chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 07 (bảy) đôi giày bán thành phẩm.
- 01 (một) điện thoại Nokia 1110 (IMEI: 352894105889737; số thuê bao: 0792302775).
- 01 (một) điện thoại Sam Sung CE 0168 (IMEI: 358042/03/052092/8; số thuê bao 0964 866 744).
- Số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).
- 01 (một) USB chứa dữ liệu hình ảnh camera đối tượng Nguyễn Hùng C và Lê Tuấn Anh T khi các đối tượng bỏ bịch nilong đựng giày vào thùng rác.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 13/5/2020, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Trảng Bom đã kết luận 07 đôi giày bán thành phẩm có trị giá 5.950.000 đồng.

Về dân sự: Công ty A đã nhận lại 07 đôi giày bán thành phẩm và không có yêu cầu gì khác về dân sự.

Tại bản cáo trạng số 198 - CT/VKS-TB ngày 14/7/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Hùng C và Lê Tuấn Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 10 (mười) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 (hai mươi) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng;
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng C từ 10 (mười) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 (hai mươi) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng;
- Xử phạt bị cáo Lê Tuấn Anh T từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 (mười sáu tháng) đến 20 (hai mươi) tháng.

Về vật chứng:

- Đối với 07 đôi giày bán thành phẩm là tài sản của công ty Pou Sung bị

cáo S, C và T trộm cắp, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho công ty A.

- Đối với 01 điện thoại Nokia 1110 (IMEI: 352894105889737; số thuê bao: 0792302775) của Nguyễn Hùng C và 01 (một) điện thoại Sam Sung CE 0168 (IMEI: 358042/03/052092/8; số thuê bao 0964 866 744) của Lê Tuấn Anh T sử dụng liên lạc khi thực hiện hành vi trộm cắp và số tiền 1.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án tuyên tịch thu sung công.

- Đối với 01 USB chứa dữ liệu hình ảnh camera ghi hình đối tượng Nguyễn Hùng C và Lê Tuấn Anh T khi các đối tượng bỏ bịch nilong đựng giày vào thùng rác do công ty A cung cấp chuyển lưu hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Công ty A đã nhận lại 07 (bảy) đôi giày bán thành phẩm và không có yêu cầu gì khác về dân sự.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bom, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại; người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, xét đã có đủ cơ sở để xác định: Vào các ngày 13, 14, 15 và 21/4/2020, Nguyễn Văn S, Nguyễn Hùng C và Lê Tuấn Anh T có hành vi lén lút trộm cắp 07 (bảy) đôi giày bán thành phẩm của công ty A khu công nghiệp A, thuộc xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai thì bị phát hiện. Tổng trị giá 07 (bảy) đôi giày bán thành phẩm là 5.950.000 đồng (năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương và đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính đồng phạm nhưng ở mức độ giản đơn. Bị cáo Nguyễn Văn S là người đề xướng, rủ rê bị cáo Nguyễn Hùng C và trả công cho

bị cáo C trên từng sản phẩm mà bị cáo C trộm cắp được; Bị cáo T được bị cáo C nhờ và trả công để đưa tài sản trộm cắp được ra khỏi công ty nên bị cáo S phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo C và bị cáo C sẽ phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo T.

[4] Xét nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại nên cần áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Văn S và bị Nguyễn Hùng C phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng thêm điểm i, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm cho bị cáo S và bị cáo C. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Qua xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Các bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội mà vẫn đáp ứng được yêu cầu phòng, chống tội phạm trong cộng đồng.

[6] Về vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Nokia 1110 (IMEI: 352894105889737, số thuê bao: 0792302775) của Nguyễn Hùng C và 01 (một) điện thoại Sam Sung CE 0168 (IMEI: 358042/03/052092/8, số thuê bao 0964 866 744) của Lê Tuấn Anh T và số tiền 1.000.000 đồng.

- Đối với 07 đôi giày bán thành phẩm là tài sản của công ty A bị các bị cáo S, C và T trộm cắp, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho công ty A là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với 01 USB chứa dữ liệu hình ảnh camera ghi hình đối tượng Nguyễn Hùng C và Lê Tuấn Anh T khi các đối tượng bỏ bịch nilong đựng giày vào thùng rác do công ty A cung cấp chuyển lưu hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về dân sự: Công ty A đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S và bị cáo Nguyễn Hùng C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn S cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Văn S thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng C 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Hùng C cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Hùng C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

**2.** Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015:

- Xử phạt bị cáo Lê Tuấn Anh T 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Tuấn Anh T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Lê Tuấn Anh T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

**3.** Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

**4.** Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Nokia 1110 (IMEI: 352894105889737, số thuê bao: 0792302775); 01 (một) điện thoại Sam Sung CE 0168 (IMEI: 358042/03/052092/8, số thuê bao 0964 866 744) và số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên được bàn giao theo biên lai thu tiền số 01711 ngày 06/8/2020 và biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom).

**5.** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Hùng C và Lê Tuấn Anh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**6.** Báo cho các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; Bị hại;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bom;
- Bộ phận T.H.A hình sự;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Tâm**

Mẫu 27-HS